

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/02/2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngo

2. Ông Huỳnh Quốc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1978, vắng mặt
(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công T, sinh năm 1975, vắng mặt
(Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Lê Công T tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 08/01/2002 (Giấy đăng ký số 128). Sau khi đăng ký kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T không lo làm ăn, hay ăn nhậu rồi chửi chị và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị xin ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 04/11/2002 và Lê Công Đ, sinh ngày 14/12/2004. Hiện nay cháu T đang ở với chị và có nguyện vọng sống với chị sau khi ly hôn, cháu Đ đang ở với anh T và có nguyện vọng sống với anh T sau khi ly hôn. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu T và giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng; không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình xét xử, bị đơn Lê Công T vắng mặt và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng. Về tài sản, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2]. *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Lê Công T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không chăm lo cho gia đình, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến cãi vã sỉ nhục lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2012, hai bên đã sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự về việc cấp, tổng Đ, thông báo văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho chị T và anh T ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về nuôi con chung:* Chị T và anh T có 02 con chung. Hiện nay cháu T đang ở với chị T và có nguyện vọng sống với chị sau khi ly hôn, cháu Đ đang ở với anh T và có nguyện vọng sống với anh T sau khi ly hôn. Do đó, cần giao cháu T cho chị T và giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về chia tài sản và nợ:* Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án

phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Công T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 04/11/2002 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Công Đ, sinh ngày 14/12/2004 cho anh Lê Công T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh T có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản và nợ*: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0016443 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phú Phước